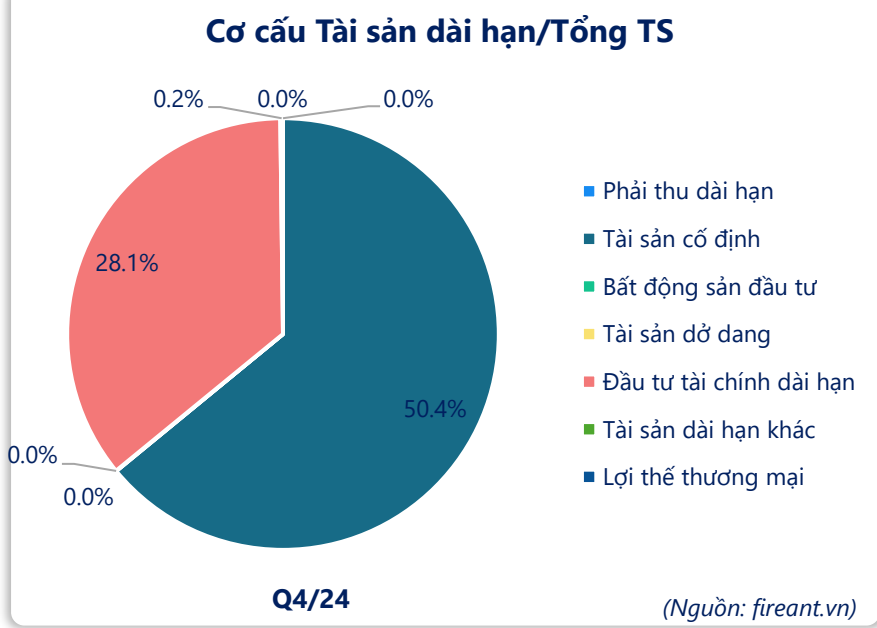
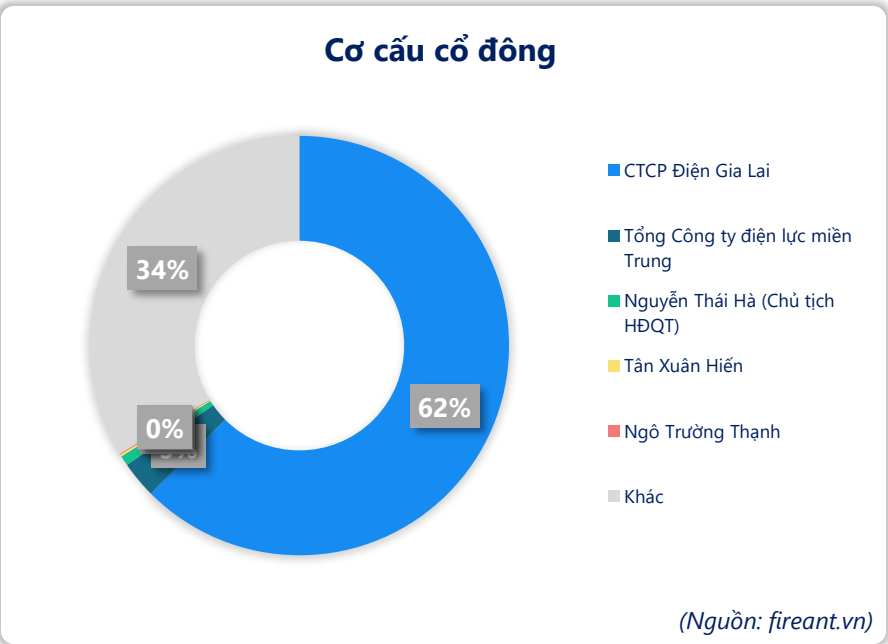
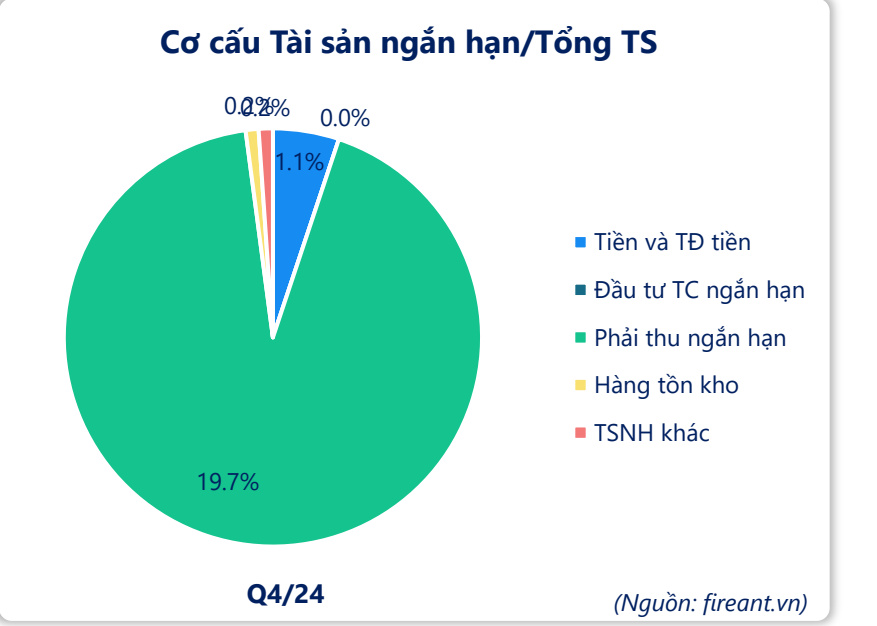
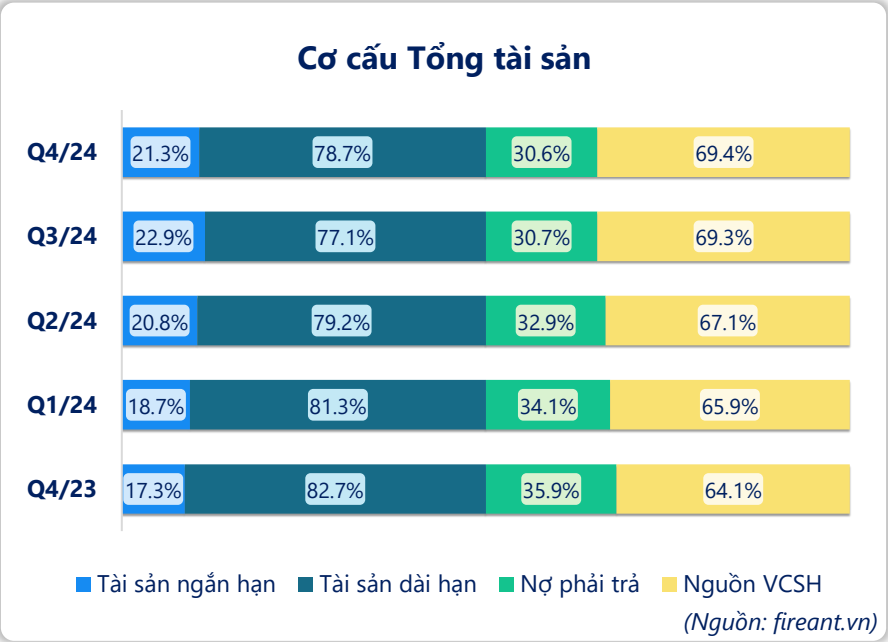
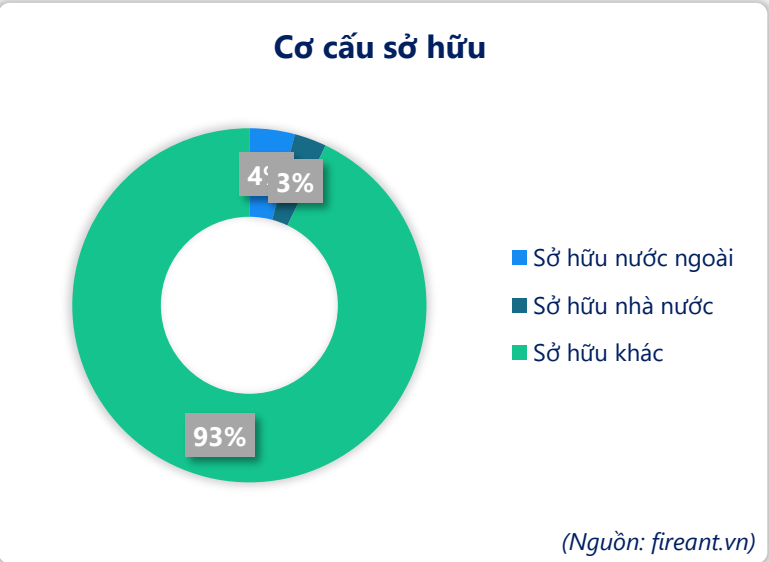
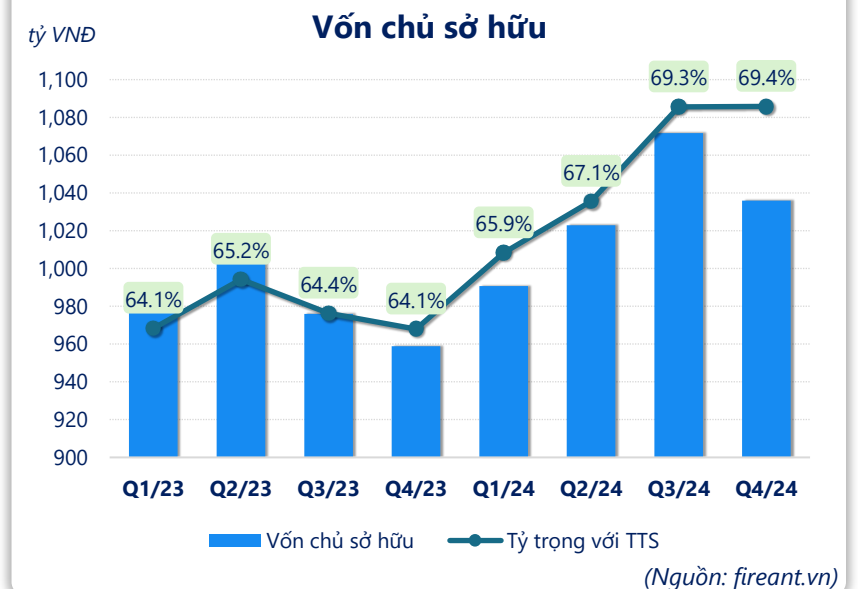
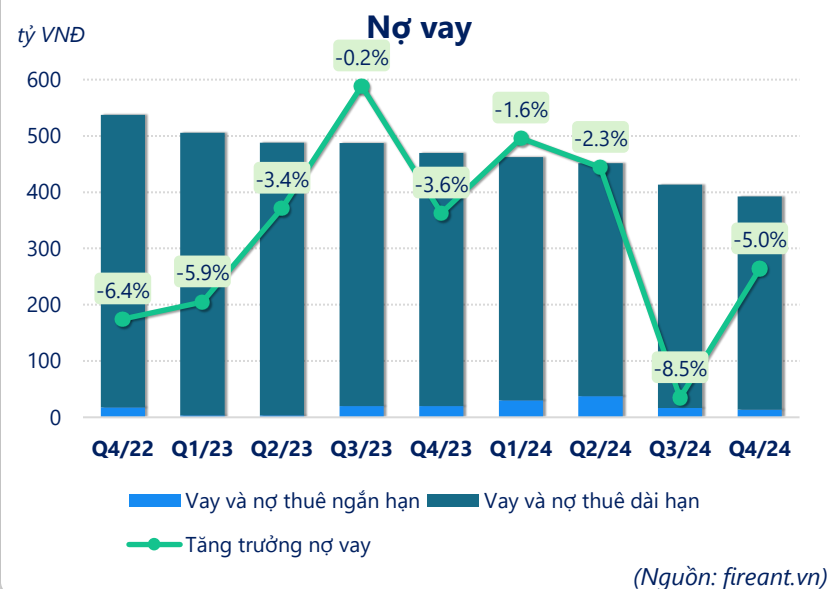
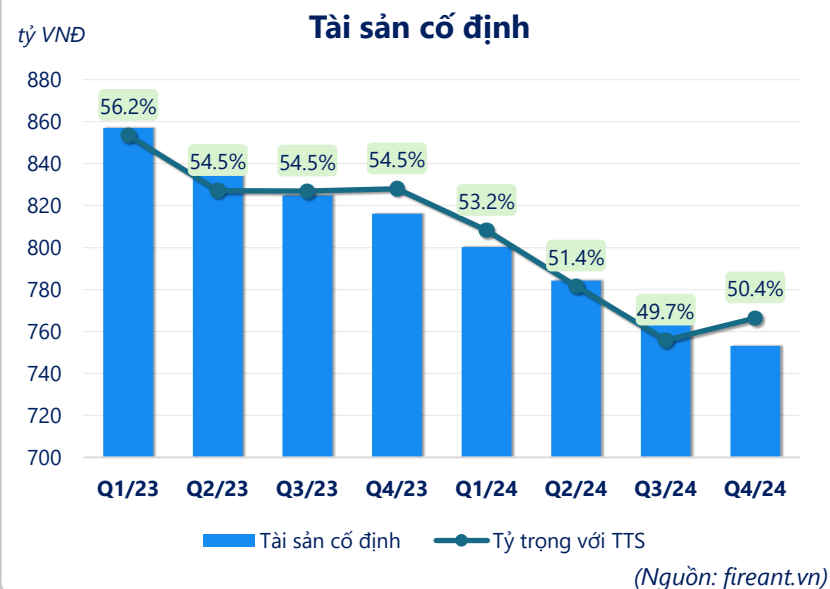
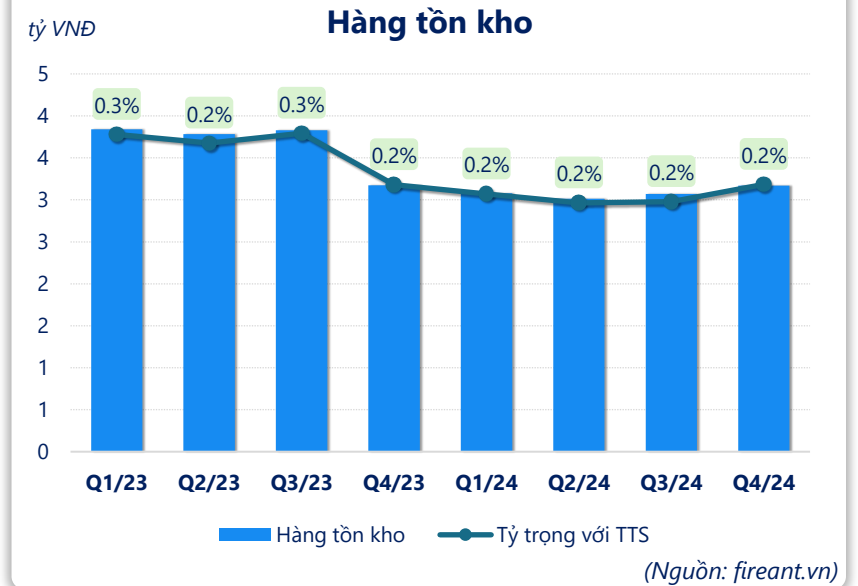
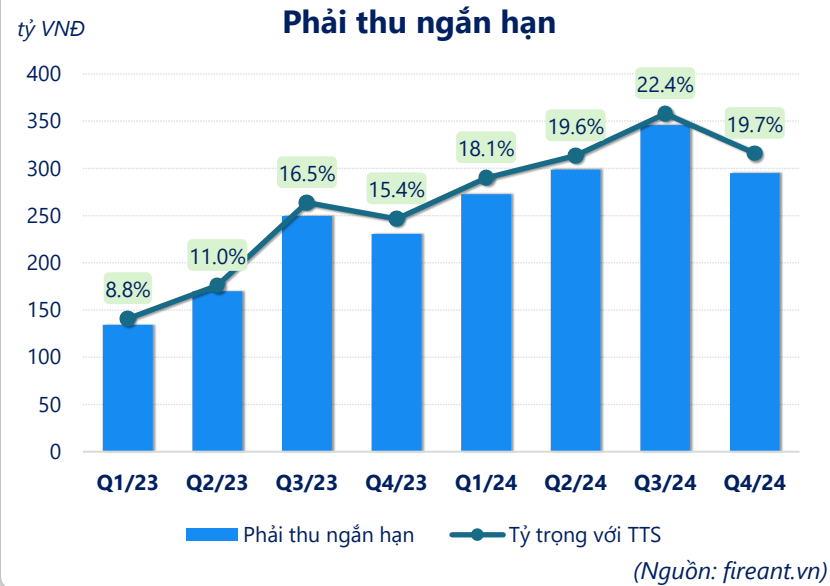
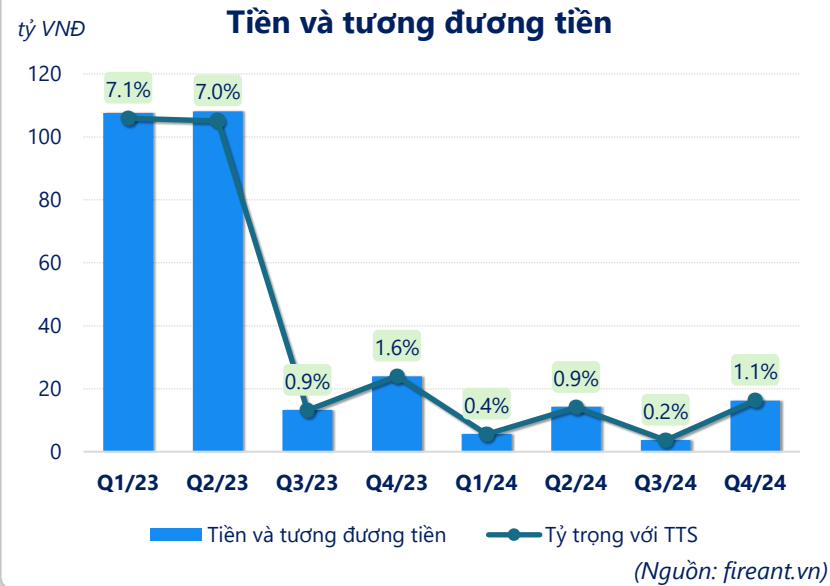
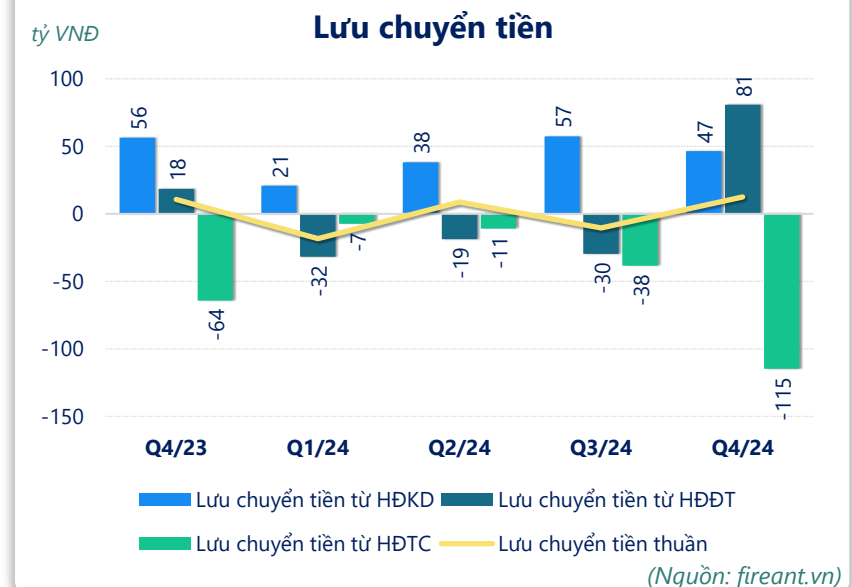
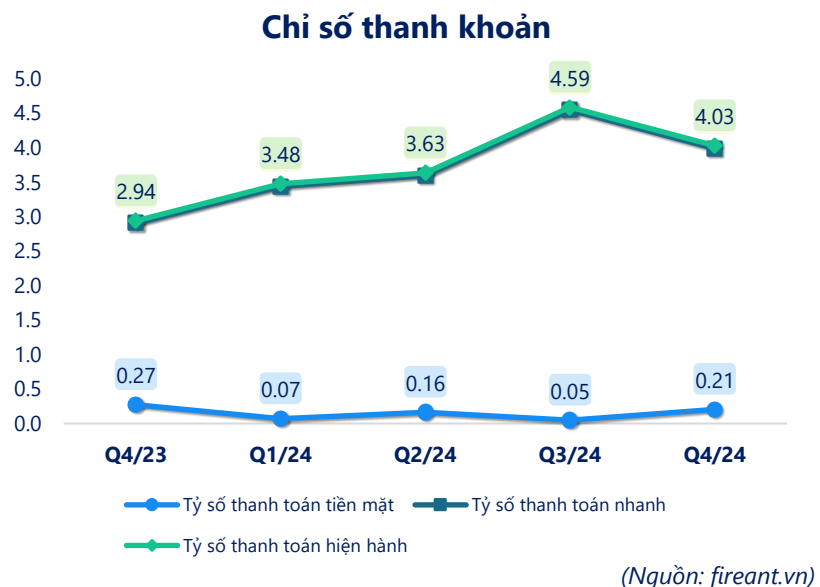
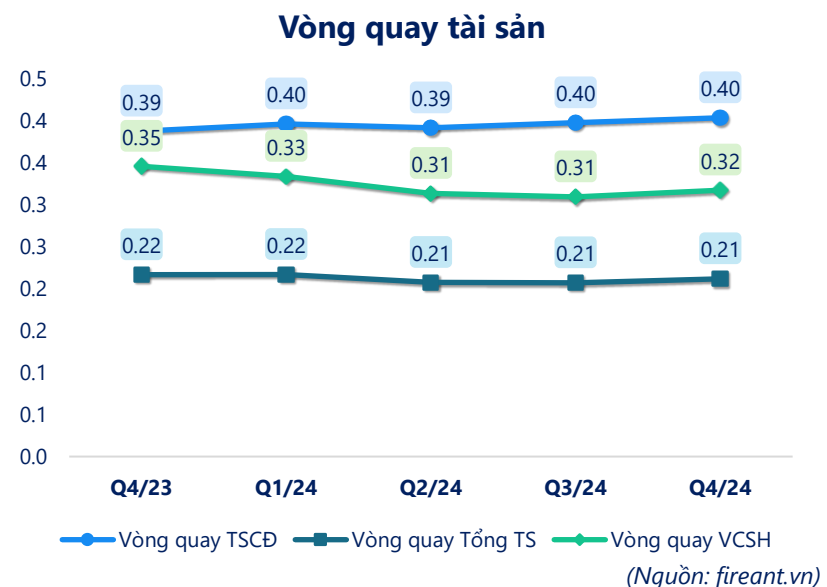
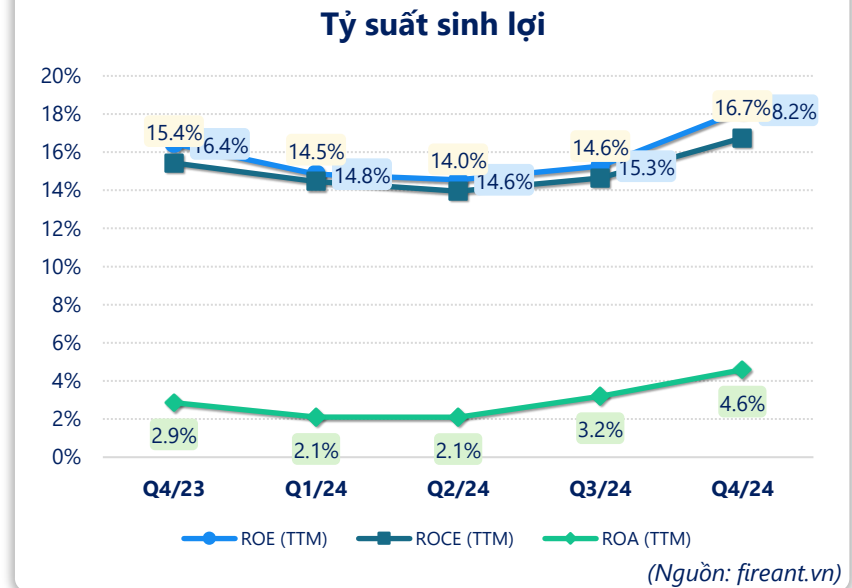
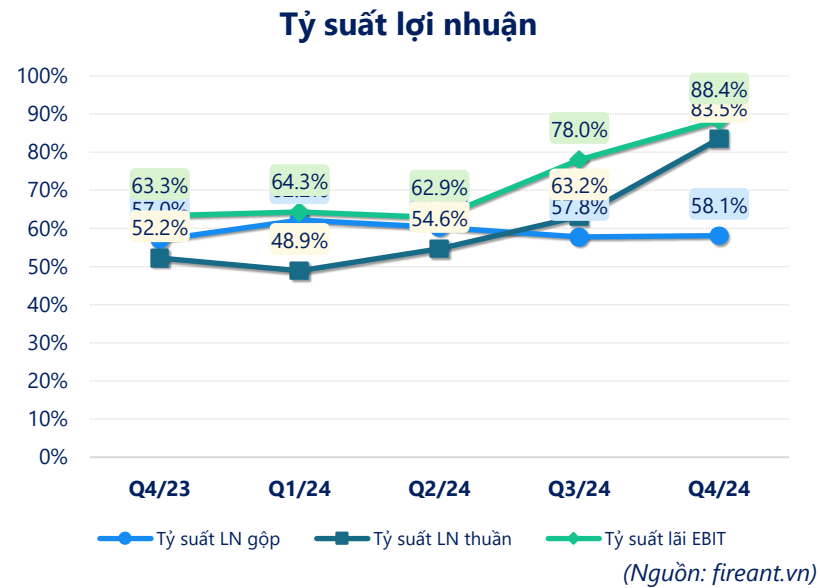
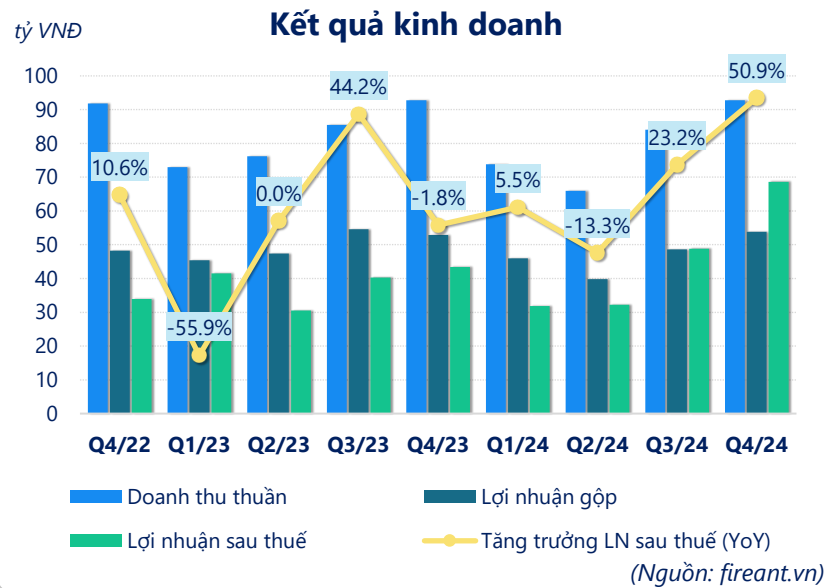


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		28,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		29,781
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,724
SL cổ phiếu LH		47,662,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)		21,980
% sở hữu nước ngoài		4.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,335
P/E		7.4
EPS		3,808

	YTD	1T	3T	6T
GHC		-0.7%	0.0%	-1.7%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,493	1,497	-0.2%
Tài sản ngắn hạn	318	259	22.8%
Tiền và tương đương tiền	16.2	23.9	-32.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	295	231	27.8%
Hàng tồn kho	3.17	3.17	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.48	0.80	336%
Tài sản dài hạn	1,176	1,238	-5.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	753	816	-7.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.32	0.35	-7.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	420	420	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.34	1.67	39.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	458	538	-14.9%
Nợ ngắn hạn	78.8	88.0	-10.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.8	19.8	-30.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.66	1.55	-57.5%
Nợ dài hạn	379	450	-15.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	379	450	-15.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,036	959	8.0%
Vốn chủ sở hữu	1,036	959	8.0%
Vốn điều lệ	477	477	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	92.8	73.9	66.0	84.1	92.7
Giá vốn hàng bán	39.9	27.9	26.2	35.5	38.9
Lợi nhuận gộp	52.9	45.9	39.8	48.6	53.9
Doanh thu HĐTC	8.46	3.60	3.95	17.0	29.8
Chi phí TC	9.70	11.4	5.58	10.1	4.79
Chi phí lãi vay	9.70	11.4	5.58	10.1	4.79
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.05	-0.05	0	0
Chi phí QLDN	3.22	1.99	2.17	2.31	1.46
LN thuần từ HĐKD	48.4	36.1	36.0	53.1	77.4
Lợi nhuận khác	0.59	0.00	-0.16	2.33	-0.30
LN trước thuế	49.0	36.1	35.9	55.4	77.1
Lợi nhuận sau thuế	43.4	31.8	32.2	48.9	68.6
LNST của CĐ cty mẹ	43.4	31.8	32.2	48.9	68.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	56.5	20.8	38.2	57.4	46.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.4	-31.9	-18.7	-29.6	80.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-64.1	-7.33	-10.8	-38.3	-115
Tiền đầu kỳ	13.3	23.9	5.60	14.3	3.74
Lưu chuyển tiền thuần	10.7	-18.4	8.67	-10.5	12.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	23.9	5.60	14.3	3.74	16.2

(Nguồn: fireant.vn)